

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Capstone™ FS-81

SDS-Identcode : 130000042934

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công Ty TNHH Chemours Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé,
Quận 1, Tp.
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Điện thoại : (84 8) 6288 3964

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : 1800-577-721

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chất phụ gia

Hạn chế khi sử dụng : Chỉ dùng trong công nghiệp
Không được sử dụng hoặc bán lại các nguyên vật liệu của
Chemours™ cho các ứng dụng y tế liên quan đến việc cấy
ghép trong cơ thể con người hay truyền chất dịch hoặc mô vào
cơ thể nếu không có sự đồng ý của người bán thông qua một
bản thỏa thuận chính thức. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin
vui lòng liên hệ văn phòng đại diện của Chemours.

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi
trường thủy sinh : Cấp 3

Nguy hại mãn tính đối với môi
trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049 Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P261 Tránh hít phải hơi sương hoặc hơi.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ.
Biện pháp ứng phó:
P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.
Việc thải bỏ:
P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Hít phải các sản phẩm phân hủy ở nồng độ cao có thể gây thở gấp (phù phổi).

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1)	55965-84-9	$\geq 0,0025$ - $< 0,025$

Mã số CAS thay thế cho một số vùng

Tên hóa học	(Các) mã số CAS thay thế
Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1)	2682-20-4, 26172-55-4

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- | | |
|--|---|
| Lời khuyên chung | : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế. |
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp | : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng. |
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da | : Trong trường hợp bị chạm phải, ngay lập tức rửa sạch da bằng xà phòng và thật nhiều nước.
Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng,
Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng |
| Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt | : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng. |
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa | : Nếu nuốt phải, không được gây nôn.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
Xúc miệng kỹ bằng nước |
| Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này | : Hít phải có thể gây ra các triệu chứng sau:
Phù phổi
Khó chịu
Kích ứng
Chảy nước mắt
Hưng đỏ
Khó thở
Tiếp xúc với mắt có thể gây ra các triệu chứng sau
nhanh
Hưng đỏ
Khó chịu
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. |
| Bảo vệ người sơ cứu | : Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8). |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị | : Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ |

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- | | |
|-------------------------------------|---|
| Các phương tiện chữa cháy thích hợp | : Bụi nước
Bọt chịu cồn.
Carbon điôxít (CO ₂)
Hóa chất khô |
|-------------------------------------|---|

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Được biết là chưa xảy ra.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Các hơi này có thể tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.
Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Hydroflorua
Carbonyl florua
các hợp chất chứa fluor có khả năng có độc tính
các hạt sol khí
Carbon ôxit
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chữa không mở.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).
- Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
Ngăn ngừa sự lan toả trên diện rộng (ví dụ bằng cách chứa lại hoặc bằng các phao ngăn dầu).
Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trợ.
Đối với các vụ việc tràn đổ lớn, cần đắp đê bao hoặc cung cấp các vật liệu ngăn chặn thích hợp để giữ cho chất tràn đổ không bị lan rộng. Nếu chất tràn đổ có thể bơm được, lưu giữ chất thu lại được trong các thùng chứa thích hợp.
Dọn sạch các chất còn đọng lại do tràn đổ bằng chất thấm hút thích hợp.
Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

được áp dụng.
Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Các biện pháp kỹ thuật : Xem Các biện pháp kỹ thuật dưới phần KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN.
- Thông gió cục bộ/toàn bộ : Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không để lên da hoặc quần áo.
Tránh hít phải hơi sương hoặc hơi.
Không được nuốt.
Tránh tiếp xúc với mắt.
Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.
- Không hít vào sản phẩm phân hủy.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng.
Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.
- Các chất cần tránh bảo quản chung : Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây:
Các chất oxy hóa mạnh
- Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : 5 - 40 °C
- Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ : Ổn định trong các điều kiện thông thường.
- Không ướp lạnh.
- Có thể đông cứng nếu bị đông lạnh.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc
Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp với các sản phẩm phân hủy

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Hydrogen fluoride	7664-39-3	TWA	0,1 mg/m ³	VN OEL

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049 Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27

		STEL	0,5 mg/m ³	VN OEL
		TWA	0,5 ppm (Flo)	ACGIH
		C	2 ppm (Flo)	ACGIH
Cacbonyl diflorua	353-50-4	TWA	5 mg/m ³	VN OEL
		STEL	13 mg/m ³	VN OEL
		TWA	2 ppm	ACGIH
		STEL	5 ppm	ACGIH
Carbon dioxít	124-38-9	TWA	9.000 mg/m ³	VN OEL
		STEL	18.000 mg/m ³	VN OEL
		TWA	5.000 ppm	ACGIH
		STEL	30.000 ppm	ACGIH
Cacbon monoxít	630-08-0	TWA	20 mg/m ³	VN OEL
		STEL	40 mg/m ³	VN OEL
		TWA	25 ppm	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Việc xử lý có thể hình thành các hợp chất độc hại (xem phần 10).
Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín.
Giảm thiểu mức độ phơi nhiễm tại nơi làm việc.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bộ lọc loại : Loại kết hợp hạt và khí/hơi có tính axit

Bảo vệ tay
Vật liệu : Viton®

Ghi chú : Việc chọn găng tay bảo vệ khỏi hoá chất phụ thuộc vào nồng độ và số lượng các chất nguy hại và phụ thuộc vào nơi làm việc. Đối với các ứng dụng đặc biệt, chúng tôi khuyến cáo nên liên lạc với nhà sản xuất nhằm xác minh tính chống chịu với hoá chất của các loại găng tay kể trên. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Thời gian để sản phẩm thấm xuyên qua găng tay chưa xác định được. Thường xuyên thay găng tay.

Bảo vệ mắt : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể : Chọn quần áo bảo hộ thích hợp dựa vào dữ liệu về khả năng chịu được hóa chất và đánh giá nguy cơ phơi nhiễm nội bộ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Cần tránh tiếp xúc với da bằng việc sử dụng quần áo bảo hộ không thấm (găng tay, ủng, tạp rề ,vv...)

Các biện pháp vệ sinh : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng

Màu sắc : màu vàng nhạt

Mùi đặc trưng : yếu

Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu

Độ pH : 5,5 - 7,0

Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : 0 °C

Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : chưa có dữ liệu

Điểm cháy : > 93 °C

Phương pháp: Cốc kín Pensky-Martens

Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không áp dụng được

Tính dễ cháy (chất lỏng) : chưa có dữ liệu

Giới hạn trên của cháy nổ /
Giới hạn trên của sự bốc cháy : chưa có dữ liệu

Giới hạn dưới của cháy nổ /
Giới hạn dưới của sự bốc cháy : chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	1,1
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	> 200 °C
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Kích thước hạt	:	Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí. Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm sẽ được hình thành khi nhiệt độ được tăng lên.
Các điều kiện cần tránh	:	Được biết là chưa xảy ra.
Vật liệu không tương thích	:	Chất oxy hóa

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

Phân hủy do nhiệt	:	Hydrogen fluoride Cacbonyl diflorua Carbon dioxit Cacbon monoxit
-------------------	---	---

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Hít phải
Tiếp xúc với da
Ăn uống
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : (Chuột): > 5.000 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 1,36 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 64 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): 0,171 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): 87,12 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng da
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Loài : Thỏ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc 1 đến 4 giờ

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Kết quả : Những ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt
Ghi chú : Dựa trên độ ăn mòn da.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm Buehler
Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da
Loài : Chuột lang
Kết quả : Dương tính

Đánh giá : Khả năng hoặc bằng chứng về tỷ lệ cao gây kích thích da trên người

Độc biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc tính đối các loài giáp xác : LC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 120 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,19 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,16 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác

Độc tính đối với tảo/thực vật : ErC50 (Skeletonema costatum (tảo cát biển)): 0,0052 mg/l
dưới nước : Thời gian phơi nhiễm: 48 h

NOEC (Skeletonema costatum (Tảo Skeletonema costatum)):
0,00049 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 100
đối với môi trường thủy sinh)

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 0,02 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 36 d

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,10 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 21 d
xương sống thủy sinh khác
(Tính độc mãn tính)

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính : 100
đối với môi trường thủy sinh)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 62 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301B

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Hỗn hợp của: 5-cloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one [EC số 247-500-7] và 2-metyl-2H-isothiazol-3-one [EC số 220-239-6] (3:1):

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: < 1

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Loại bỏ theo quy định của địa phương

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

IATA-DGR

Số UN/ID	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Mã EmS	: Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	: Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Không áp dụng được

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 2023/11/01

Các thông tin khác : Capstone™ và bất kỳ những logo liên kết khác đều là những thương hiệu hoặc bản quyền của Công ty The Chemours Company FC, LLC.
Chemours™ và logo của Chemours là thương hiệu đã được đăng ký của công ty The Chemours Company.
Vui đọc thông tin an toàn của Chemours trước khi sử dụng
Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng Chemours tại địa phương hoặc nhà phân phối do Chemours chỉ định.

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24
10.3	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
	2023/11/01	1335467-00049	

lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL : giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
ACGIH / C : giới hạn trần
VN OEL / TWA : Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL : Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Capstone™ FS-81

Phiên bản 10.3	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2023/11/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1335467-00049	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/04/24 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
-------------------	--	--	---

chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI